

**BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC HẠN VỪA
(Từ ngày 16 đến 31/10/ 2025)**

1.1. Lưu vực sông Hồng

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 80-180mm, có nơi cao hơn, riêng Tuyên Quang, Hà Giang, Láng, Thái Bình có mưa cao hơn dao động từ 300-380mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao: Lưu lượng dòng chảy trên sông Thao tại trạm Yên Bái tăng so với giai đoạn trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thao tại trạm Yên Bái cao hơn TBNN cùng kỳ 108%. + Trên sông Lô: Lưu lượng dòng chảy trên sông Lô tăng so với giai đoạn trước, Tổng lượng dòng chảy trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang cao hơn TBNN cùng kỳ 944%. + Trên sông Đà: Lưu lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình tăng so với kì trước do chịu ảnh hưởng điều tiết của thủy điện tuyến trên và mưa trên lưu vực; tổng lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình cao hơn TBNN cùng kỳ 95%. + Trên sông Hồng: Đầu tháng 10 do ảnh hưởng lũ sông Thao, sông Lô và điều tiết hồ chứa (hồ Hòa Bình mở 02, hồ Tuyên Quang mở 08 cửa xả đáy và hồ Thác Bà mở 03 cửa xả mặt) hạ lưu sông Hồng tại Hà Nội đã xuất hiện lũ với biên độ lũ lên 7,4m đỉnh lũ tại Hà Nội đạt 9,56m (22h/01/10) trên BĐ1 là 0,06m. Tổng lượng dòng chảy trên sông Hồng tại trạm Hà Nội cao hơn TBNN cùng thời kỳ 150%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến 10-30mm, có nơi cao hơn.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao: Tổng lượng dòng chảy trên sông Thao tại trạm Yên Bái thấp hơn TBNN cùng kỳ 6%. + Trên sông Lô: lưu lượng dòng chảy trên sông Lô tại Tuyên Quang cao hơn TBNN cùng kỳ 29%. + Trên sông Đà: Lưu lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình có xu thế giảm so với 15 ngày qua do chịu ảnh hưởng điều tiết của thủy điện tuyến trên và mưa trên lưu vực; tổng lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình cao hơn TBNN cùng kỳ 20% + Trên sông Hồng: Dòng chảy hạ lưu sông Hồng biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng điều tiết hồ chứa thượng lưu. Tổng lượng dòng chảy trên sông Hồng tại trạm Hà Nội dự báo cao hơn TBNN cùng kỳ 9%.

1.2. Lưu vực sông Thái Bình

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 170-270mm, có nơi cao hơn; đặc biệt tại Bắc Giang và Thái Nguyên có mưa trên 500mm
- Tổng lượng dòng chảy: Trên sông Cầu: lưu lượng dòng chảy có xu thế tăng so với kỳ trước, tổng lượng dòng chảy trên sông Cầu tại trạm Gia Bảy ở mức cao hơn 1190% so với TBNN cùng kỳ. Trên sông Lục Nam, lưu lượng dòng chảy tại trạm Chũ tăng mạnh so với kỳ trước và tổng lượng dòng chảy cao hơn TBNN cùng kỳ 892%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến 10-30mm, có nơi cao hơn.
- Tổng lượng dòng chảy: Trên sông Cầu lưu lượng dòng chảy dự báo sẽ giảm mạnh so với kì trước; tổng lượng dòng chảy trên sông Cầu tại Gia Bảy có khả năng ở mức cao hơn TBNN cùng kì 175%. Trên sông Lục Nam, dòng chảy giảm so với kì trước, tổng lượng dòng chảy tại Chũ cao hơn TBNN cùng kỳ 220%.

1.3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Khu vực phổ biến 60-120mm, có nơi cao trên 200mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong nửa đầu tháng 10/2025, lưu lượng dòng chảy trên các sông trong khu vực tăng hơn so với nửa cuối tháng 9. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 116%, sông Cả tại trạm Yên Thượng cao hơn 41%, sông Ngàn Sâu tại trạm Hòa Duyệt thấp hơn 20%, sông Ngàn Phố tại trạm Sơn Diệm thấp hơn 7%. + Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Nửa đầu tháng 10, dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch (TP Huế) tại trạm Thượng Nhật ở mức thấp hơn TBNN cùng kỳ 21%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: phía bắc phổ biến 30-80mm, có nơi cao hơn; phía nam 100-350mm, có nơi cao hơn.

Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong nửa cuối tháng 10/2025, lưu lượng dòng chảy trên các sông trong khu vực giảm hơn so với nửa đầu tháng 10. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy cao TBNN cùng kỳ khoảng 77%, sông Cả tại trạm Yên Thượng thấp hơn khoảng 30%, sông Ngàn Sâu tại trạm Hòa Duyệt thấp hơn khoảng 29%, sông Ngàn Phố tại trạm Sơn Diệm thấp hơn khoảng 29%. + Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Nửa cuối tháng 10, dòng chảy trên các sông khả năng có dao động và cao hơn so với nửa đầu tháng 10. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật ở mức xấp xỉ TBNN cùng kỳ.
--

1.4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: phía bắc phổ biến 150-220mm; phía nam thấp hơn từ 60-120mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Nửa đầu tháng 10, dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn (TP Đà Nẵng) tại trạm Nông Sơn thấp hơn TBNN cùng kỳ 40%, sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) tại trạm Sơn Giang thấp hơn 34%. + Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Nửa đầu tháng 10, trên các sông đã xảy ra một đến hai đợt lũ nhỏ và dao động. Tổng lượng dòng chảy trên sông An Lão (Gia Lai) tại trạm An Hòa thấp hơn 75%, sông Ba (Đắk Lắk) tại trạm Củng Sơn thấp hơn 39%, sông Cái Nha Trang (Khánh Hòa) tại trạm Đồng Trăng cao hơn 25%, sông Lũy (Lâm Đồng) tại trạm Sông Lũy ở mức TBNN, sông La Ngà (Lâm Đồng) tại trạm Tào Pao thấp hơn 72% so với TBNN.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: phía bắc phổ biến 100-300mm, có nơi cao hơn; phía nam 70-150mm, có nơi cao hơn.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Nửa cuối tháng 10, dòng chảy trên các sông khả năng có dao động và cao hơn so với nửa đầu tháng 10. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn tại trạm Nông Sơn thấp hơn TBNN cùng kỳ 56%, sông Trà Khúc tại trạm Sơn Giang thấp hơn 55%. + Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Lưu lượng dòng chảy trên các sông

có khả năng tăng. Tổng lượng dòng chảy trên sông Ba tại trạm Củng Sơn ở mức thấp hơn 25% so với TBNN, sông Cái Nha Trang tại trạm Đồng Trăng ở mức cao hơn 40% so với TBNN cùng kỳ.

1.5. Lưu vực sông Mê Công

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: phổ biến 70-150mm, có nơi cao hơn.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên lưu vực sông Sê San, Srêpôk: Trong nửa đầu tháng 10, lưu lượng dòng chảy các sông trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk ở mức thấp hơn so với nửa cuối tháng 9. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 81%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn thấp hơn 15%.

+ Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: phổ biến 70-150mm, có nơi cao hơn.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên lưu vực sông Sê San, Srêpôk: Trong nửa cuối tháng 10, lưu lượng dòng chảy các sông trên lưu vực Sê San và Srêpôk dao động ở mức tương đương và cao hơn so với nửa đầu tháng 10. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 80%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn thấp hơn TBNN 19%.

+ Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm. Trên sông Tiền tại trạm Tân Châu cao hơn TBNN 30% và trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc cao hơn TBNN 18%.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 01/11/2025

Tin phát lúc: 15h00

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phùng Tiến Dũng

Phụ lục
Phụ lục 1. Bảng trị số tổng lượng mưa thực đo và dự báo các trạm
Bảng 1.1: Tổng lượng mưa dự báo từ ngày 16 đến ngày 31/10/2025

Đơn vị: mm

Khu vực	Trạm	Thực đo 15 ngày qua (mm)	So sánh TBNN (%)	Dự báo trong 15 ngày tới (mm)	So sánh với TBNN (%)
Lưu vực sông Hong	Tam Đường	177	>125	10-30	<20-40
	Sơn La	103	>179	10-30	>30-60
	Hòa Bình	94	<10	20-40	<15-30
	Lào Cai	97	>83	10-30	<20-40
	Yên Bái	79	<12	10-30	<15-30
	Tuyên Quang	308	>399	10-30	<5-15
	Hà Giang	380	>344	10-30	<15-30
	Láng	345	>467	20-40	<5-15
	Thái Bình	302	>315	20-40	<20-40
	Nam Định	151	>83	20-40	<20-40
Lưu vực sông Thái Bình	Bắc Cạn	274	>795	20-40	>20-40
	Thái Nguyên	562	>813	10-30	<5-15
	Bắc Ninh	176	>173	10-30	<15-30
	Lạng Sơn	190	>367	10-30	xx
	Bắc Giang	508	>1008	10-30	xx
	Hải Dương	170	>198	10-30	<15-30
Lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ	Hồi Xuân	109	>52	20-40	Xấp xỉ
	Bái Thượng	115	>9	40-80	Xấp xỉ
	Thanh Hóa	198	>49	40-80	Xấp xỉ
	Quỳ Châu	272	>164	40-80	<5-15
	Cửa Rào	31	<55	30-60	<10-20
	Đô Lương	73	<59	80-160	<5-15
	Vinh	95	<63	100-200	<20-40
	Hương Sơn	65	<80	100-200	<10-20
	Hương Khê	147	<53	100-200	<15-30
	Hà Tĩnh	78	<78	250-350	<5-15
	Đồng Hới	271	<19	250-350	>10-20

Khu vực	Trạm	Thực đo 15 ngày qua (mm)	So sánh TBNN (%)	Dự báo trong 15 ngày tới (mm)	So sánh với TBNN (%)
	Quảng Trị	204	<41	250-350	xx
	Nam Đông	107	<77	250-350	<15-30
	Huế	214	<48	250-350	<10-20
Lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ	Đà Nẵng	152	<50	200-300	<10-20
	Trà My	222	<38	150-300	<20-40
	Ba Tơ	77	<75	100-200	<20-40
	Quảng Ngãi	34	<88	100-200	<20-40
	Quy Nhơn	63	<72	80-160	<20-40
	An Khê	67	<51	70-150	<15-30
	Tuy Hòa	113	<48	70-150	<20-40
	Nha Trang	62	<47	60-120	<15-30
Lưu vực sông Mê Công	Kon Tum	98	<16	70-150	>15-30
	Lắk	72	<48	80-160	>15-30
	Buôn Mê Thuột	96	<24	70-150	>15-30
	Biên Hòa	140	<14	80-160	>15-30
	Cần Thơ	76	<44	70-150	>5-15

Bảng 1.2: Tổng lượng nước dự báo từ ngày 16 đến ngày 31/10/2025

Đơn vị: 10⁶ m³

Sông	Trạm	Yếu tố đo	Thực đo	So sánh TBNN (%)	Dự báo	So sánh TBNN (%)
Thao	Yên Bái	W	2430	>108	830	<6
Lô	Tuyên Quang	W	8852	>944	2281	>29
Đà	Hồ Hòa Bình	W	4562	>95	2143	>20
Hồng	Hà Nội	W	10369	>150	4147	>9
Cầu	Gia Bảy	W	847	>1190	157	>175
Lục Nam	Chũ	W	533	>892	104	>220
Mã	Cẩm Thủy	W	1633	> 116	940	> 77
Cả	Yên Thượng	W	2508	> 41	968	< 30
La	Hòa Duyệt	W	445	< 20	366	< 29
Tả Trách	Thượng Nhật	W	40.8	< 21	64.6	~ TBNN
Thu Bồn	Nông Sơn	W	355	< 40	494	< 56
Trà Khúc	Sơn Giang	W	262	< 34	346	< 55
Ba	Củng Sơn	W	382	<39	484	<25
Cái N,T	Đồng Trăng	W	92	>25	145	>40
ĐăkBlá	KonTum	W	40.9	< 81	48.4	< 80
Srêpôk	Giang Sơn	W	155	< 15	152	< 19
Tiền	Tân Châu	W			34151	> 30
Hậu	Châu Đốc	W			7262	> 18